

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MD03233**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tin học văn phòng**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354801024224	Huỳnh Phúc	An	27/11/2006				6.5	7.0	8.0	7.5		8.0		7.7
2	2354801024225	Nguyễn Hoài	An	21/04/2008				7	6.0	6.5	6.0		7.5		7.0
3	2354801024226	La An	Bình	08/03/2008				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2354801024227	Trần Lê	Duy	16/02/2008				7.5	8.0	7.5	8.0		8.0		7.9
5	2354801024228	Trần Thanh	Duy	28/03/2008				5.5	5.0	5.5	6.0		5.0		5.2
6	2354801024229	Lê Tấn	Đạt	01/02/2008				8.5	8.0	7.5	8.0		9.0		8.6
7	2354801024230	Lương Thanh	Hải	05/10/2008				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2354801024231	Nguyễn Duy	Hoàng	24/11/2008				5.5	6.0	7.0	6.0		6.0		6.1
9	2354801024232	Võ Huy	Hoàng	25/11/2008				5	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2
10	2354801024233	Trương Hoàng Nhật	Huy	29/07/2007				9.5	9.0	8.5	9.0		9.0		9.0
11	2354801024234	Nguyễn	Kha	25/10/2008				7.5	7.0	6.5	8.0		7.5		7.4
12	2354801024235	Tăng Hoàng Bảo	Khang	31/05/2008				8.5	8.0	9.0	8.5		9.5		9.1
13	2354801024236	Lê Hoàng	Khanh	08/06/2008				8	7.5	8.0	7.0		9.0		8.4
14	2354801024237	Đặng Ngọc Đăng	Khoa	12/01/2008				8.5	9.0	8.5	9.0		9.0		8.9
15	2354801024238	Nguyễn Anh	Khoa	25/11/2008				5	5.5	5.0	5.0		5.0		5.1
16	2354801024239	Nguyễn Trung	Kiên	24/05/2008				7	7.0	7.5	7.0		6.0		6.5
17	2354801024240	Hồ Triệu	Long	05/08/2008				6.5	6.5	8.0	7.0		6.0		6.4
18	2354801024241	Huỳnh Kim	Long	27/10/2008				8	8.0	7.5	8.0		7.0		7.3
19	2354801024242	Lê Minh	Long	24/01/2008				9	9.0	8.5	9.0		9.0		8.9
20	2354801024243	Bùi Hữu	Lượng	01/01/2008				6	6.0	7.0	6.5		5.0		5.6
21	2354801024244	Nguyễn Thành	Nam	06/09/2008				7	7.0	7.5	7.0		7.5		7.4
22	2354801024245	Phạm Dương Hoài	Ngọc	16/02/2008				7	7.0	8.0	7.5		9.0		8.4
23	2354801024246	Nguyễn Thành	Nguyên	02/08/2008				7.5	7.5	7.0	8.0		8.5		8.1
24	2354801024247	Nguyễn Thanh	Nhà	27/04/2008				6	5.0	5.5	5.0		5.0		5.1
25	2354801024248	Dương Thành	Phát	16/11/2008				8	8.0	8.5	8.0		8.5		8.4
26	2354801024249	Nguyễn Tiến	Phát	01/10/2008				7	7.0	6.5	7.0		5.5		6.0
27	2354801024250	Lê Hoài	Phong	12/10/2008				5	5.0	5.5	6.0		6.0		5.8
28	2354801024251	Nguyễn Hoài	Phúc	10/07/2008				8.5	8.5	9.0	8.0		8.0		8.2
29	2354801024252	Nguyễn Thiên	Phúc	23/09/2008				5	5.5	5.5	5.0		6.0		5.7
30	2354801024253	Trần Trọng	Phúc	15/02/2008				7	7.0	7.5	7.0		6.5		6.8
31	2354801024254	Võ Hoàng	Phúc	25/06/2008				8.5	8.5	9.0	8.0		8.5		8.5
32	2354801024255	Nguyễn Nhật Trung	Quân	31/01/2008				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
33	2354801024256	Võ Kim	Son	02/04/2008				8	8.0	8.0	8.5		6.0		6.9
34	2354801024257	Đặng Quốc	Thái	16/05/2007				9	9.0	9.0	8.5		9.5		9.2
35	2354801024258	Huỳnh Quốc	Việt	30/04/2008				7	7.0	6.0	8.0		6.5		6.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 26 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thanh Cường